kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10

*Thời gian làm bài: **45 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 05/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L10.GK1.023

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tiền tố m trong ký hiệu đơn vị ứng với thừa số nào?

A. 10^{-6} **B.** 10^{-3} **C.** 10^{-2} **D.** 10^{6}

Câu 2. Gia tốc của một vật được định nghĩa là

A. quãng đường chia cho bình phương thời gian.

B. độ biến thiên quãng đường chia cho thời gian.

C. độ biến thiên vận tốc chia cho khoảng thời gian xảy ra biến thiên đó.

D. vận tốc chia cho thời gian chuyển động.

Câu 3. Để coi Trái Đất là chất điểm khi tính chuyển động của nó quanh Mặt Trời, người ta dùng phương pháp nào?

A. Phương pháp thực nghiệm **B.** Không cần phương pháp nào, chỉ cần suy đoán

C. Phương pháp mô hình **D.** Phương pháp thống kê xã hội học

Câu 4. Một đoàn tàu bắt đầu từ vận tốc 17 m/s, chuyển động thẳng biến đổi đều với gia tốc 3 m/s^2. Sau 10 s, độ dịch chuyển của một đoàn tàu bằng

A. 470 m **B.** 150 m **C.** 320 m **D.** 170 m

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng về tiến trình tìm hiểu tự nhiên?

A. Nếu số liệu không ủng hộ giả thuyết thì phải đo lại cho tới khi ủng hộ.

B. Chỉ cần công bố những số liệu ủng hộ kết luận của mình.

C. Giả thuyết đúng thì không cần kiểm tra bằng thí nghiệm nữa.

D. Giả thuyết phải phát biểu sao cho có thể kiểm tra được bằng thí nghiệm.

Câu 6. Trên đồ thị độ dịch chuyển – thời gian, độ dốc của đồ thị cho biết

A. độ cao của địa hình mà vật đang đi qua. **B.** vận tốc của vật.

C. quãng đường vật đi được. **D.** gia tốc của vật.

Câu 7. Đo được $F = 2$ N và $s = 7$ m. Tính công của lực kéo theo $A = Fs$.

A. 9 J **B.** 5 J **C.** 16 J **D.** 14 J

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Vận tốc trung bình là đại lượng vectơ, bằng độ dịch chuyển chia cho thời gian.

B. Tốc độ trung bình có thể âm khi vật đi ngược chiều dương.

C. Vận tốc trung bình luôn bằng tốc độ trung bình.

D. Vận tốc của một vật là như nhau trong mọi hệ quy chiếu.

Câu 9. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$ a, b đều chưa biết). Kĩ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	$-0,2$ $-0,15$ $-0,15$
Chuẩn chiều dài L_S: r_S	$55,85$ $55,85$ $55,9$
Chi tiết cần kiểm: r_X	$24,9$ $24,9$ $24,95$

Chuẩn chiều dài có $L_S = 51$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,05$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến $0,01$ mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[22,7; 22,85]$ mm. Báo cáo nào đúng?

A. $L_X \in [22,74; 22,92]$ mm — **không đạt** dung sai

B. $L_X \in [22,68; 22,81]$ mm — **không đạt** dung sai

C. $L_X \in [22,74; 22,92]$ mm — **đạt** dung sai

D. $L_X \in [22,83; 22,84]$ mm — **không đạt** dung sai

Câu 10. Vật ném xiên trong trọng trường đều, vận tốc đầu theo hai trục $u_x = 4$ m/s, $u_y = 12$ m/s. Trục y hướng lên, $g = 10$ m/s^2 bỏ lực cản không khí. Tính thời gian đạt đỉnh quỹ đạo theo giây, làm tròn đến một chữ số thập phân.

A. 120 s

B. $0,6$ s

C. $2,4$ s

D. $1,2$ s